

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 655/2024/DS-PT
Ngày: 30 - 12 - 2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 569/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Chí L**, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: số C, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thụy Cẩm T**, sinh năm 1997 (Có mặt).

Nơi thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số G, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Dương Mỹ L1** – Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (Vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1961 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: số B, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Bảo H1, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: số B, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Chí L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chí L là bà Lê Thụy Cẩm T trình bày:

Ngày 05/7/2023 ông Nguyễn Văn Chí L và vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ (ông H đại diện bà Đ) có ký kết hợp đồng thi công. Nội dung vợ chồng ông H thuê ông L là bên thầu nhận thi công xây dựng căn nhà mới trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 161,6m², tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã thi công công trình theo đúng như thỏa thuận và hoàn thiện căn nhà cho vợ chồng ông H. Tuy nhiên trong suốt quá trình thi công xây dựng ông Bảo H1 là con của ông H1, bà Đ nhiều lần cản trở, gây khó khăn cho việc thi công cũng như bàn giao nhà ở. Hiện tại ông đã bàn giao xong nhà cho vợ chồng ông H1 và ông Bảo H1 sử dụng nhưng vợ chồng ông H1 chỉ thanh toán cho ông số tiền tổng cộng 945.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng. Ông L đã nhiều lần liên hệ ông H1, bà Đ yêu cầu trả lại cho ông L số tiền còn nợ nhưng vợ chồng ông H1, bà Đ nhiều lần hứa hẹn, còn ông Bảo H1 thì không cho ông H1, bà Đ trả tiền cho ông L. Ông L đã liên hệ bị đơn thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng nhưng ông H1, bà Đ không thực hiện.

Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng thi công, những nội dung bị đơn trình bày không nằm trong điều kiện bảo hành và không đúng. Nguyên đơn không đồng ý lời trình bày của bị đơn.

Nay ông Nguyễn Văn Chí L yêu cầu ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho ông số tiền còn thiếu của Hợp đồng thi công ngày 05/07/2023 là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng của số tiền này từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 31/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 04 tháng là 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng = 3.320.000 đồng. Tổng cộng là 53.320.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày:

Ngày 05/7/2023 ông, bà (ông H đại diện bà Đ) và ông Nguyễn Văn Chí L có ký kết hợp đồng thi công. Nội dung ông, bà thuê ông L là bên thầu nhận thi

công xây dựng căn nhà cấp 3 trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 161,6m², tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo thỏa thuận hợp đồng thì chi phí thi công sẽ thanh toán 08 đợt theo từng nội dung thi công. Từ đợt 1 đến đợt 6 ông, bà thanh toán đủ theo thỏa thuận hợp đồng. Mặc dù từ đợt thanh toán thứ 4 thì người giám sát công trình của gia đình ông, bà là kiến trúc sư Phan Quốc T1, sinh năm 1960, địa chỉ: phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang phát bệnh tim nên không thể thực hiện giám sát công trình được tiếp nữa. Từ đợt thi công thứ 5 trở đi thì ông L thi công không đúng kỹ thuật nữa như việc chống thấm sân thượng, làm trụ hàng rào. Sau khi gia đình ông, bà nhắc nhở ông L thì ông L đã cho thợ khắc phục hai lỗi kỹ thuật trên. Đến đợt thanh toán thứ 7 thì gia đình ông, bà kiểm tra lại tiếp tục phát hiện có nhiều lỗi kỹ thuật trong xây dựng, ông L đã tự ghi nhận những lỗi thi công xây dựng này vào văn bản viết tay giao cho gia đình ông, bà. Ông L đã cho thợ vào khắc phục các lỗi này nhưng chưa khắc phục xong thì ông L đã cho thợ về dù gia đình ông, bà nhiều lần liên hệ ông L đến nghiệm thu công trình để quyết toán nhưng ông L không đến. Đến nay giữa ông L và ông, bà chưa thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, khi có mưa thì căn nhà của ông, bà bị dột từ sân thượng xuống trần thạch cao và tầng trệt, không biết do nguyên nhân gì. Đối với hệ thống ống nước ngầm trong căn nhà đôi khi bị rò rỉ nước ra ngoài, không rõ nguyên nhân là gì.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông, bà không đồng ý, ông, bà yêu cầu ông L tiếp tục khắc phục các lỗi kỹ thuật về lát lại nền gạch sàn nhà, gạch ốp tường bị chên vênh, sửa lại hệ thống nước rò rỉ phòng ngủ tầng trệt, vết rạn nứt tại cầu thang và thấm dột nước, thực hiện xong ông, bà sẽ giao trả số tiền còn lại cho ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Bảo H1 trình bày:

Anh là con ruột của ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đắc . Anh không có cản trở việc thi công xây dựng. Anh thống nhất ý kiến trình bày của ông H, bà Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông H, bà Đ liên đới trả số tiền còn thiếu của Hợp đồng thi công ngày 05/7/2023 là 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng của số tiền này từ ngày 31/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn là 07 tháng thành tiền là 2.905.000đồng và đồng ý hỗ trợ bị đơn 5.000.000đồng chi phí vệ sinh gạch ốp tường. Tổng cộng số tiền yêu cầu bị đơn trả là 47.905.000đồng.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện trả cho nguyên đơn chi phí thi công công trình là 25.000.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 148, 158 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Chí L về việc yêu cầu ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho ông số tiền thi công công trình còn thiếu là 47.905.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu chín trăm lẽ năm nghìn đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ đồng ý trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chí L chi phí thi công công trình là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/9/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chí L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc sửa bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chí L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chí L làm trong hạn luật định và đúng trình tự theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 05/7/2023, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ (đại diện là ông Lê Văn H) (được gọi là bên A - Chủ đầu tư) và ông Nguyễn Văn Chí L (được gọi là bên B - Nhà thầu thi công) ký Hợp đồng thi công công trình “Xây dựng mới nhà” tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Kết cấu, quy mô nhà ở được xác định theo Thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà ở gia đình (phần hiệu chỉnh). Nội dung hợp đồng là bên A giao khoán cho bên B hình thức là khoán gọn toàn bộ nhân công, vật tư thiết bị thi công công trình, bao gồm các chi phí vật tư, vận chuyển, thiết bị thi công, chi phí nhân công lắp đặt, thi công phần nước công trình (cấp và thoát nước) và các chi phí khác để thực hiện các công việc nêu trên với tổng giá trị hợp đồng là 995.000.000đồng. Giá trị hợp đồng sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng với điều kiện bên B chỉ thi công theo đúng thiết kế hồ sơ kỹ thuật công trình theo thống nhất giữa hai bên trước khi khởi công. Thời gian khởi công là ngày 06/7/2023, thời gian thi công dự kiến 120 ngày kể từ ngày khởi công công trình, không tính thời gian gián đoạn do các điều kiện pháp lý, thời tiết, ngày lễ. Phương thức thanh toán được chia làm 08 đợt. Từ đợt 01 đến đợt 06 ông H, bà Đ đã thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận. Theo nội dung hợp đồng, đợt 07 ông H, bà Đ sẽ thanh toán số tiền 100.000.000đồng sau khi lót nền xong và đợt 08 là 30.000.000đồng khi bàn giao nhà. Tuy nhiên, theo ông H, bà Đ trình bày đến đợt thanh toán thứ 7 thì ông bà kiểm tra phát hiện có nhiều lỗi kỹ thuật trong xây dựng, ông L đã tự ghi nhận những lỗi thi công xây dựng này và đưa ra giải pháp sửa chữa vào văn bản viết tay giao cho gia đình ông. Ông L có cho thợ vào khắc phục nhưng chưa khắc phục xong thì ông L cho thợ về. Ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông L đến nghiệm thu công trình để quyết toán nhưng ông L không đến, cho đến nay giữa ông và ông L chưa thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng. Ông H, bà Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, ông H, bà Đ tự nguyện trả cho ông L số tiền 25.000.000đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà Đ. Ông L không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chí L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Chí L thỏa thuận ký hợp đồng thi công công trình: “Xây dựng mới nhà” vào ngày 05/7/2023. Theo nội dung hợp đồng thì ông L nhận khoán toàn bộ nhân công, vật tư thiết bị thi công công trình bao gồm các chi phí vật tư, vận chuyển, thiết bị thi công, chi phí nhân công lắp đặt, thi công phần nước công trình (cấp và thoát nước) và các chi phí khác để thực hiện các công việc nêu trên với giá trị hợp đồng là 995.000.000 đồng. Kết cấu và quy mô nhà ở theo Thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà ở gia đình. Hai bên thỏa thuận thanh toán tiền từng đợt và được chia làm 08 đợt. Ông H, bà Đ và ông L thống nhất từ đợt 01 đến đợt 06 ông H, bà Đ thanh toán đúng như thỏa thuận, đợt 07 phải thanh toán số tiền là 100.000.000đồng sau khi lót nền xong và đợt 08 là 30.000.000đồng khi bàn giao nhà nhưng đợt 07 ông H, bà Đ chỉ thanh toán số tiền 80.000.000đồng. Theo ông L thì ông đã hoàn thiện căn nhà, hiện tại ông đã bàn giao xong nhà cho vợ chồng ông H nhưng vợ chồng ông H chỉ thanh toán cho ông số tiền 945.000.000đồng, còn lại 50.000.000đồng ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H, bà Đ hèn mà không trả và cũng không thực hiện nghiệm thu bàn giao công trình với ông. Ông H, bà Đ cho rằng ông, bà giữ lại số tiền 50.000.000đồng là do đến đợt thanh toán thứ 07 ông, bà kiểm tra phát hiện có nhiều lỗi kỹ thuật trong xây dựng, ông L có cho thợ khắc phục nhưng khắc phục chưa xong, ông H nhiều lần liên hệ nhưng ông L không đến nghiệm thu công trình để quyết toán và đến nay cũng chưa thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình.

Nhận thấy, tại văn bản viết tay với tiêu đề “Khắc phục lỗi nhà chú H + cô Đ” mà ông L thừa nhận là do ông viết có nội dung ghi: Giải pháp sửa chữa:

1. Gạch vệ sinh lầu 1: L đục lột gạch lên thay (tự chịu chi phí).
2. Gạch lát sân thượng: Thay 3 ngang tính ngay vị trí giáp chú D.
3. Hai viên gạch chóp tầng trệt: Mua gạch thay 2 viên.
4. Cột trụ rào lệch đoạn đầu 1cm: Tô thêm, sơn lại.
5. Tầm tường gốc sân thượng: Đục tĩa phần hồ thừa, tô góc lại, quét kỹ hồ dầu.
6. Vệ sinh sơ bộ gạch ốp tường.

Theo ông L trình bày thì ông đã cho thợ khắc phục xong những lỗi trên nhưng ông H, bà Đ không thanh toán số tiền đợt 7 đầy đủ cho ông theo thỏa thuận mà chỉ thanh toán cho ông 80.000.000đồng và nợ lại 20.000.000đồng. Ông H, bà Đ cho rằng ông L có khắc phục nhưng chưa khắc phục xong thì ông L cho thợ nghỉ nên ông giữ lại tiền để ông L vào sửa chữa. Nhận thấy quá trình thi công công trình ông L có những lỗi kỹ thuật như văn bản viết tay nêu trên,

ông H, bà Đ thừa nhận ông L có khắc phục nhưng cho rằng khắc phục chưa xong tuy nhiên hai bên cũng không có văn bản gì ghi nhận hiện trạng sau khi ông L khắc phục lỗi kỹ thuật trong xây dựng, ông H, bà Đ và ông L đều không yêu cầu giám định vì vậy không có cơ sở để xác định công trình xây dựng nhà có một số hạng mục không đạt yêu cầu kỹ thuật như ông H, bà Đ trình bày.

Theo Điều 3 của hợp đồng thi công thì ông H, bà Đ thanh toán số tiền 100.000.000đồng sau khi lót nền xong, không có điều kiện kèm theo. Ông H, bà Đ cũng xác định ông L đã lót nền xong, tuy nhiên ông, bà cho rằng do ông L khắc phục chưa xong những lỗi kỹ thuật nên ông H, bà Đ giữ lại số tiền 20.000.000đồng. Xét lời trình bày này của ông H, bà Đ là không có căn cứ, bởi lẽ theo thỏa thuận thì ông H, bà Đ phải thanh toán cho ông L số tiền 100.000.000đồng sau khi lót nền xong, phần việc này ông L đã thực hiện xong. Việc ông H, bà Đ thanh toán không đủ như hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy việc ông L yêu cầu ông H, bà Đ trả số tiền 20.000.000đồng của thanh toán đợt 7 là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp.

Tại Điều 5 của hợp đồng về điều khoản nghiệm thu công trình quy định:

5.1 Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình, bên B phải thông báo cho bên A để hai bên cùng tiến hành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

5.2 ...

5.3 Bên B thông báo trước cho bên A thời gian tiến hành nghiệm thu, nếu đại diện bên A không có mặt tiến hành nghiệm thu và ký biên bản trong vòng 03 ngày thì coi như bên A đã nghiệm thu. Thời gian chờ nghiệm thu của bên B được tính vào tiến độ thi công công trình.

5.4 Nếu bên A không có mặt theo yêu cầu của bên B để nghiệm thu công trình như đã nêu tại điều 5.1 thì công trình sẽ đương nhiên được coi là đã được bên A nghiệm T2. Các bên sẽ làm thủ tục bàn giao và thanh quyết toán công trình theo Điều 6.

Tại Điều 6 quy định bàn giao và thanh lý hợp đồng:

6.1 Sau khi kết thúc việc thi công, các bên tiến hành nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng. Bên A có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình theo Điều 3 của hợp đồng.

Theo trình bày của ông L là ông đã bàn giao nhà cho ông H, bà Đ vào tháng 11 năm 2023, tuy nhiên theo thỏa thuận trong hợp đồng “Sau khi kết thúc việc thi công, các bên tiến hành nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng” và việc nghiệm thu được thực hiện theo Điều 5 của hợp đồng là phải có mặt bên A và ký vào biên bản nhưng ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh là

ông có thông báo cho ông H, bà Đ thời gian nghiệm thu công trình và có thực hiện việc nghiệm thu và ông cũng không có văn bản nào thể hiện ông đã bàn giao công trình cho ông H, bà Đ. Việc ông H, bà Đ quản lý công trình từ tháng 11 năm 2023 khi chưa thực hiện bàn giao là hoàn toàn phù hợp với khoản 4 Điều 124 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, cụ thể:

Điều 124. Bàn giao công trình xây dựng

“... ”

4. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ quản lý sử dụng thì chủ đầu tư có trách nhiệm tạm thời quản lý, vận hành công trình xây dựng”.

Từ phân tích trên, xét thấy việc ông L yêu cầu ông H, bà Đ trả số tiền 30.000.000đồng là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông L là có căn cứ. Tuy nhiên ông H, bà Đ tự nguyện trả cho ông L số tiền 25.000.000đồng, xét thấy việc tự nguyện này của ông H, bà Đ là vượt quá số tiền mà ông H, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho ông L trong đợt thanh toán thứ 07 vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông H, bà Đ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chí L là có cơ sở một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Văn Chí L tự nguyện chịu nên tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Chí L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309, khoản 2 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điều 385, điều 401 Bộ luật dân sự; Điều 138, điều 124 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chí L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Chí L.

Ghi nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn Chí L số tiền là 25.000.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Chí L yêu cầu ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền là 30.000.000đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Nguyễn Văn Chí L tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.500.000đồng.

5. Về án phí: ông Nguyễn Văn Chí L phải chịu là 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông L đã nộp 1.633.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005798 ngày 06/3/2024 và biên lai thu số 0006615 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, còn hoàn lại cho ông L số tiền là 133.000đồng. Ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đắc

Kể từ ngày ông L yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông H, bà Đắc C thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

